

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

Số: 16/2020/QĐST- KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2020/TLST- KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP

Địa chỉ trụ sở: Phường Y, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Bửu Q – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đăng H/ Ông Đỗ Tùng D (Theo văn bản ủy quyền số 83/2019/UQ –TGDD12 ngày 07/01/2019)

- Bị đơn: Công ty cổ phần A

Địa chỉ trụ sở: Số 133, Ngõ 1, gác 1/62/23 phố Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức L – Giám đốc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Đức T - Sinh năm 1947 (Đã chết năm 2017)

+ Bà Nguyễn Thị D - Sinh năm 1947

Cùng có HKTT: Phường S, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Trần Đức C - Sinh năm 1983

+ Chị Nguyễn Thị B - Sinh năm 1984

Cháu Trần Thị Diệu Linh – Sinh ngày 29/12/2008; Cháu Trần Khánh R, sinh ngày 17/8/2012; Cháu Trần Đức Quang E, sinh ngày 18/7/2017 (là con

đẻ của anh C, chị B, do anh Trần Đức C làm giám hộ).

Cùng có HKTT: Phường S, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

+ **Anh Trần Đức L** – Sinh năm 1973

HKTT: Phường S, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

+ **Anh Trần Đức V** – Sinh năm 1975

HKTT: Phường S, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

+ **Anh Trần Đức K** – Sinh năm 1978

HKTT: Phường S, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

❖ Xác nhận tính đến ngày 11/6/2019 Công ty cổ phần A còn nợ Ngân hàng TMCP Htheo B đồng tín dụng số 827DDA/2017/HĐTD ngày 02/8/2017 số tiền **580.558.500đồng** (Năm trăm tám mươi triệu năm trăm năm tám nghìn năm trăm đồng) trong đó: Nợ gốc: **405.000.000đ** (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng); nợ lãi trong hạn là: **119.094.300đ** (Một trăm mười chín triệu không trăm chín tư nghìn ba trăm đồng); lãi quá hạn: **56.464.200đ** (Năm mươi sáu triệu bốn trăm bốn sáu nghìn hai trăm đồng).

❖ Công ty cổ phần A trả nợ cho Ngân hàng TMCP H theo lộ trình sau:

- **Kỳ 1:** Chậm nhất đến ngày 30/7/2020 Công ty cổ phần A thanh toán trả Ngân hàng TMCP H **100.000.000đồng** tiền gốc;

- **Kỳ 2:** Chậm nhất đến ngày 30/8/2020 Công ty cổ phần A thanh toán trả Ngân hàng TMCP H **100.000.000đồng** tiền gốc;

- **Kỳ 3:** Chậm nhất đến ngày 30/9/2020 Công ty cổ phần A thanh toán trả Ngân hàng TMCP H **100.000.000đồng** tiền gốc;

- **Kỳ 4:** Chậm nhất đến ngày 30/10/2020 Công ty cổ phần A thanh toán trả Ngân hàng TMCP H **100.000.000đồng** tiền gốc;

- **Kỳ 5:** Chậm nhất đến ngày 30/11/2020 Công ty cổ phần A thanh toán trả Ngân hàng TMCP H **100.000.000đồng** tiền gốc và lãi;

- **Kỳ 6:** Chậm nhất đến ngày 30/12/2020 Công ty cổ phần A thanh toán trả Ngân hàng TMCP H trả **80.558.500đồng** (Tám mươi triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền lãi.

Nếu Công ty cổ phần A vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp của bên thứ ba để thu hồi toàn bộ khoản nợ, gồm:

- Tài sản thứ nhất: Tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 35, diện tích 470m² (đất ở đô thị 150m², đất LNK 320m²); Địa chỉ: Phường S, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số

CH631506, sổ vào sổ cấp GCN CH 07177 do UBND thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương cấp ngày 08/3/2017 đứng tên ông Trần Đức T và bà Nguyễn Thị D. Được xác định trong B đồng thể chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 330; Quyền số 01/2017 TP/CC-HĐGD ngày 23/3/2017 lập tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Hải Dương. Được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày 23/3/2017.

- Tài sản thứ hai: Tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 35, diện tích 370m² (đất ở đô thị 150m², đất LNK 220m²); Địa chỉ: Phường S, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CH631505, sổ vào sổ cấp GCN CH 07178 do UBND thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương cấp ngày 08/3/2017 đứng tên ông Trần Đức C và bà Nguyễn Thị B. Được xác định trong B đồng thể chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 430; Quyền số 01/2017 TP/CC-HĐGD ngày 12/4/2017 lập tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Hải Dương. Được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày 12/4/2017.

Kể từ sau ngày lập biên bản hòa giải thành 11/6/2020, Công ty cổ phần A vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong B đồng tín dụng số 827DDA/2017/HĐTD ngày 02/8/2017 cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo của bên thứ ba không đủ để thu hồi nợ (bao gồm cả nợ gốc, lãi) thì Công ty cổ phần A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ còn lại cho đến khi Ngân hàng TMCP H thu hồi xong khoản nợ.

❖ Về án phí: Công ty cổ phần A phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 13.611.000đồng. (Mười ba triệu sáu trăm mười một nghìn đồng). Hoàn lại Ngân hàng TMCP H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.500.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/006870 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thoa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ

Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

